

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2021/ DS- ST

Ngày: 28/4/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai

2. Ông Phạm Phúc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đình S(tên gọi khác: Vũ Đình T), sinh năm 1973

Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974

Đều có địa chỉ: Số 403, khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H.
Đều có mặt.

Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1962

Anh Phạm Văn H, sinh năm 1956

Đều có địa chỉ: Số nhà 310, khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Vũ Đình S(tên gọi khác Vũ Đình T) và chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Anh S, chị Y và chị L, anh H có quan hệ họ hàng với nhau nên nhiều lần chị L anh H vay tiền của anh S, chị Y để làm ăn. Ngày 13 tháng 8 năm 2019, chị L có hỏi vay số tiền 35.000.000đồng. Sau đó đến ngày 04 tháng 10 năm 2019, chị L có nói do công trình chưa thanh toán nên hỏi vay tiếp số tiền 315.000.000đồng. Hai bên có thiết lập giấy vay tiền do chị L trực tiếp viết và anh H chị L đều ký xác nhận vay tiền. Chị L và anh H vay của anh Vũ Đình T chị Nguyễn Thị Y số tiền 350.000.000đồng, ngày vay 4 tháng 10 năm 2019 dương lịch, không ghi thỏa thuận về lãi và ngày trả tiền. Hai bên có thỏa thuận miệng trả lãi suất theo lãi suất Ngân hàng và hẹn đến ngày 01 tháng 01 năm 2020, anh H chị L sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Sau đó, hai bên cùng thống nhất hủy giấy vay tiền ngày 13 tháng 8 năm 2019. Nay anh S chị Y đã đòi nhiều lần nhưng chị L anh H không trả số tiền gốc này nên anh S chị Y yêu cầu Tòa án buộc anh H chị L phải trả số tiền gốc còn nợ là 350.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi suất đối với khoản tiền vay.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, chị L trình bày: Chị có quan hệ họ hàng và gọi anh S chị Y là chú thím. Chị đã nhiều lần vay tiền của anh S chị Y, có trả lãi và gốc đều đặn. Sau nhiều lần vay nợ, lần vay cuối cùng là 350.000.000đồng. Nhưng đến khoảng tháng 12 năm 2019, chị làm ăn khó khăn nên không có điều kiện để trả anh S chị Y nữa. Anh S chị Y có thu tiền của chị tại công trình và một số hàng hóa phụ kiện làm công trình cho nhà anh S chị Y là 31.000.000đồng nên yêu cầu anh S chị Y phải trừ số tiền này vào số tiền gốc, chị chỉ nhất trí trả anh S chị Y số tiền 319.000.000đồng, phương thức trả theo tháng, mỗi tháng là 3.000.000đồng. Sau đó, chị L lại thay đổi quan điểm xác nhận có vay của anh S chị Y số tiền 350.000.000đồng và xác định đây là khoản nợ riêng của chị. Chị nhất trí trả anh S chị Y mỗi tháng là 5.000.000đồng.

Tại bản tự khai anh Phạm Văn H-là chồng chị Liễu trình bày: Anh không biết về việc chị L vay nợ của anh S, chị Y. Sau một thời gian, anh S chị Y có mang sổ sang nhà anh bảo anh ký xác nhận cho chị L vay thì anh mới biết và có ký xác nhận chị L vay số tiền 350.000.000đồng với lãi suất 200%/1 ngày. Việc chị L mang hàng hóa của anh đi làm cho anh S chị Y với số tiền 31.000.000đồng, anh nhất trí và không có ý kiến gì. Anh xác định thực tế, anh không vay, không nhận tiền nên không liên quan gì đến anh.

Tại phiên tòa:

Anh S chị Y thay đổi quan điểm, yêu cầu anh H chị L phải trả số tiền 319.000.000đồng. Anh H, chị L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình S(tên gọi khác Vũ Đình T) và chị Nguyễn Thị Y. Buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L phải thanh toán trả anh Vũ Đình S(tên gọi khác Vũ Đình T) và chị Nguyễn Thị Y số tiền 319.000.000đồng. Về án phí: Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại giai đoạn Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh H chị L đang làm ăn, sinh sống và cư trú tại khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C. Anh S chị Y khởi kiện yêu cầu anh H chị L phải trả anh chị số tiền vay còn nợ là 319.000.000đồng, yêu cầu khởi kiện của anh S chị Y còn thời hiệu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về khoản nợ gốc:

Các đương sự trình bày thống nhất vào ngày 04 tháng 10 năm 2019 dương lịch, chị L có vay của anh S(tên gọi khác T) chị Y số tiền 350.000.000đồng. Chị L là người thiết lập giấy vay tiền, anh Hiền cũng ký xác nhận phía dưới giấy vay tiền. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ trong giấy vay tiền. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng không có thời hạn và không có lãi, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp. Trong giấy vay tiền, chị L viết bên vay là chị L và anh H, vợ chồng anh chị có vay của ông T bà Y số tiền 350.000.000đồng. Chị L xác định anh H không trực tiếp tham gia thỏa thuận vay tiền, không nhận tiền, việc chị vay để làm ăn riêng. Anh H xác định chỉ ký xác nhận về việc chị L vay tiền. Tuy vậy, việc chị L vay tiền của anh S chị Y để mua tiền hàng, làm công trình, phát triển kinh tế của gia đình. Chị L sử dụng số tiền 31.000.000đồng là tiền công trình, hàng hóa của vợ chồng để trả nợ cho anh S chị Y. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H chị L là bên vay trong hợp đồng vay tài sản. Anh H chị L không trả được tiền đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, anh S chị Y yêu cầu anh H chị L trả số tiền vay còn nợ là 319.000.000đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất: Đây là hợp đồng vay tài sản, không có thỏa thuận lãi suất, anh Sáng chị Yến tự nguyện không yêu cầu anh H chị L thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về thời hạn trả nợ: Anh S chị Y yêu cầu anh H chị L phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu của anh chị.

[2.4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh S chị Y được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, anh Hiền chị Liễu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình S(tên gọi khác Vũ Đình T) và chị Nguyễn Thị Y.

Buộc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L phải trả số tiền gốc 319.000.000đồng cho anh Vũ Đình S(tên gọi khác Vũ Đình T) và chị Nguyễn Thị Y.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh S(tên gọi khác T) chị Y yêu cầu thi hành án, nếu anh H chị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.950.000đồng. Hoàn trả anh Vũ Đình S và chị Nguyễn Thị Y số tiền 8.750.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006768 ngày 25/12/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Thi hành án thành phố C;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Chu Thị Thu Hương